

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/LĐ-PT

Ngày: 06/5/2019

V/v: “*Tranh chấp xử lý kỷ luật theo
hình thức sa thải và yêu cầu bồi thường
thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà.

Các Thẩm Phán: Ông Đinh Quang Nghĩa.

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm – Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở
hiện tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 36/2019/TLPT-LĐ
ngày 20 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao
động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXPT-LĐ ngày 12
tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Tạ Minh Q**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (*Văn bản ủy quyền số 2417 ngày
16/11/2017*)

2. **Bi đơn:** Công ty cổ phần đầu tư và Xây dựng A.

Địa chỉ: Đường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn K**, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Minh V, chức vụ: Trưởng phòng tổ chức
- hành chính. (*Văn bản ủy quyền số 60/UQ-CI5-TCHC ngày 19/3/2019*)

(Ông Q, Ông V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2017, các bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tạ Minh Q trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng T ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A từ ngày 01/7/2013 đến ngày 30/6/2015 theo thời hạn hợp đồng lao động 01 năm thì ký lại, địa điểm làm việc tại mỏ đá Soklu 6 xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 01/7/2015 thì ông T và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A ký tiếp hợp đồng lao động không xác định thời hạn với mức lương 3.745.000 đồng/tháng. Cùng với phụ cấp và lương thưởng thì hàng tháng ông T thực lãnh số tiền lương là 5.000.000 đồng sau khi trừ bảo hiểm.

Ngày 25/11/2016, giám đốc mỏ đá Soklu 6 có lập biên bản cuộc họp và yêu cầu ông T tạm ngưng công việc do thu hẹp sản xuất. Tại cuộc họp có thông báo việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông T và một số công nhân làm việc tại xưởng cưa cắt đá, chế độ hỗ trợ cho một người bị chấm dứt hợp đồng lao động là: 02 tháng lương (3.745.000 đồng/tháng) và 45 ngày báo trước. Ông T thấy nghi ngờ nên không ký tên vào biên bản và yêu cầu công ty cho nhận thông báo tạm ngưng công việc nhưng công ty không gửi thông báo nào cho ông. Những ngày tiếp theo ông T tiếp tục đi làm bình thường thì công ty đóng cổng không cho ông T vào.

Ngày 01/12/2016, ông T nhận được quyết định 438/QĐ-CIC5-TCHC ngày 01/12/2016 về việc công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông. Do công ty đã vi phạm điểm a, khoản 3 Điều 38 Luật Lao động về việc không thông báo trước mà đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Công ty viện lý do thu hẹp sản xuất để chấm dứt hợp đồng lao động với ông trong khi những người khác cùng làm chung với ông vẫn tiếp tục làm việc bình thường, do vậy việc công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là trái pháp luật.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A phải bồi thường các khoản như sau:

* Thứ nhất: Phải nhận ông T trở lại làm việc và bố trí công việc như hợp đồng đã ký.

* Thứ hai: Phải bồi thường cho ông T các khoản tiền:

1. Tiền lương những ngày không được làm việc: 10 tháng 12 ngày X 5.000.000 đồng/tháng = 51.560.000 đồng. Tại phiên tòa Ông Q bổ sung gì thêm yêu cầu khởi kiện, tính tới thời điểm xét xử là 23 tháng lương X 5.000.000 đồng/tháng = 115.000.000 đồng.

2. Bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 02 tháng tiền lương X 5.000.000 đồng/tháng = 10.000.000 đồng.

3. Bồi thường 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là: 5.580.000 đồng.

Tổng cộng: **130.580.000 đồng.**

Theo các bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Hữu A trình bày:

Ông A thống nhất với lời trình bày của Ông Q về hợp đồng lao động đã giao kết giữa công ty và ông T. Ông T là công nhân cửa xẻ đá và mức lương được hưởng theo hợp đồng.

Mỏ đá Soklu 6 nhận được thông báo số 369 của Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu chấm dứt hoạt động. Vì vậy đến tháng 10 năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A phải thu hẹp sản xuất chấm dứt hoạt động của xưởng cửa xẻ đá nên đã cho ông T nghỉ chờ việc hưởng 70% lương để công ty sắp xếp công việc khác. Do không sắp xếp được công việc khác nên đã báo cho ông T về việc chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 01/12/2016 và sẽ trả cho ông T 45 ngày lương báo trước và trợ cấp mất việc là 02 tháng lương. Đến nay xưởng cửa xẻ đá vẫn ngưng hoạt động.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, phía Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A có ý kiến như sau:

Tiền lương bình quân 06 tháng liền kề của ông T là 3.245.273 đồng nhưng công ty lấy mức lương theo hợp đồng là 3.745.000 đồng/tháng là hợp lý. Ông T yêu cầu mức lương 5.000.000 đồng/tháng (bao gồm thưởng, tăng ca) để yêu cầu trợ cấp thôi việc là không có cơ sở.

Ngày 25/11/2016, tại mỏ đá Soklu 6 đã họp với các công nhân xưởng cắt đá và thông báo phải ngừng sản xuất. Tháng 10 và tháng 11 công ty đã trả lương chờ việc là 70% cho công nhân xưởng cắt đá. Để công nhân không phải chờ ở công ty 45 ngày và có thời gian tìm việc khác nên công ty đã thông báo chấm dứt từ 01/12/2016 và thanh toán 45 ngày lương chờ việc cùng trợ cấp mất việc là 02 tháng lương. Tại buổi họp không công nhân nào có thắc mắc và sau đó cũng không có khiếu nại gì. Ông T nói không ký biên bản buổi họp là không đúng.

Công ty không cho ông T vào cổng là không đúng sự thật. Vì xưởng đã ngừng sản xuất nên công nhân ở bộ phận này không còn làm việc nữa mà các bộ phận không bị yêu cầu ngừng hoạt động thì công nhân vẫn làm việc bình thường.

Xưởng cắt đá đã ngừng hoạt động nên không thể bố trí công việc cho ông T. Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông T theo đúng quy định và có lợi cho ông T nên công ty không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu ông T.

Ông A không đồng ý yêu cầu của ông T vì trong quyết định số 438 của công ty ban hành có quy định chế độ cho ông T cụ thể:

Trợ cấp mất việc theo Luật Lao động: 3.745.000 đồng X 02 tháng lương = 7.490.000 đồng.

Hưởng 45 ngày báo trước theo Luật Lao động: 3.745.000 đồng/26 ngày X 45 ngày = 6.482.000 đồng.

Tổng cộng ông T được hưởng theo Luật Lao động: 13.972.000 đồng.

Ngoài ra công ty hỗ trợ thêm cho ông T 01 tháng lương: 3.745.000 đồng.

Tổng cộng công ty sẽ thanh toán cho ông T là: **17.717.000 đồng**.

Tại bản án lao động số 01/2018/LĐ-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã tuyên xử:

Áp dụng:

- Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 22, Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T đối với Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A về việc bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A thanh toán cho ông T là: 17.717.000 đồng.

Về án phí: Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A phải nộp 885.850 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.014.200 đồng theo biên lai thu tiền số 002394 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Hoàng T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A chưa thanh toán số tiền nói trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A phải chịu thêm lãi chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngày 23/11/2018, ông Nguyễn Hoàng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, và tư cách đương sự:* Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của ông T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] *Về nội dung:*

Cả ông T và bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A đều xác định, sau ngày 30/6/2015 thì hai bên giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn

với mức lương 3.745.000 đồng/tháng. Tuy nhiên sau đó Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông T nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Xét kháng cáo của ông T nhận thấy:

Bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A cho rằng ngày 24/11/2014 Công ty nhận được Thông báo số 369/TB-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai yêu cầu chấm dứt hoạt động của xẻ đá Puzolan tại mỏ đá Soklu 6 và thực hiện bảo quản đá Puzolan do đó, ngày 25/11/2016 tại mỏ đá Soklu 6 đã hợp với các công nhân xưởng cắt đá và thông báo phải ngừng sản xuất. Xét lý do mà bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A đưa ra là chấm dứt hoạt động của mỏ đá Soklu 6 nên chấm dứt hợp đồng lao động trước hạn với ông T là trái luật bởi lẽ: Qua xem xét Thông báo số 369/TB-STNMT 24/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cho thấy toàn bộ Thông báo này có nội dung yêu cầu Công ty khắc phục một số vấn đề về an toàn, bảo vệ môi trường và hoàn thiện thủ tục đề nghị cấp giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án, trong đó có nội dung được thể hiện tại Mục V của Thông báo trên có nội dung “*..Trong khu vực Mỏ đá Soklu 6 có hoạt động của xẻ đá Puzolan thử nghiệm, yêu cầu Công ty chấm dứt hoạt động của xẻ đá Puzolan, thực hiện bảo quản đá Puzolan theo phương án đã lập*” (BL 34,35,36). Ngoài văn bản trên bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A không xuất trình được bất cứ chứng cứ tài liệu nào thể hiện phải thu hẹp sản xuất cũng như văn bản nào khác của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong năm 2016 yêu cầu chấm dứt hoàn toàn việc khai thác mỏ đá Soklu 6 dẫn đến bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A phải áp dụng quy định tại Điểm C Khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động, đồng thời bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A cũng chỉ chấm dứt hoạt động tạm thời của xẻ đá Puzolan để hoàn thiện các phương án về bảo vệ môi trường, an toàn lao động đưa vào vận hành dự án như trên đã phân tích. Bên cạnh đó Thông báo số 369/TB-STNMT 24/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai là trước ngày 30/6/2015 là ngày mà bị đơn tái ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với ông T, và sau ngày 24/11/2014 thì bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A vẫn tiến hành xây dựng thang bảng lương, vẫn tiếp tục sử dụng người lao động trong đó có ông T cho đến ngày 25/11/2016 tức là sau hai năm khi có Thông báo số 369/TB-STNMT ngày 24/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Lý do mà Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng A thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh. Do đó, công ty Cổ phần Xây dựng số 5 chấm dứt hợp đồng lao động với ông T thuộc trường hợp được quy định tại Điều 44 Bộ luật lao động là do thay đổi vì lý do kinh tế, bởi lẽ sau khi có Thông báo số 369/TB-STNMT 24/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai là trước ngày 30/6/2015 công ty vẫn hoạt động và cũng không có văn bản nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt hoàn toàn mỏ đá Soklu 6. Điều 44 Bộ luật Lao động quy định: Trường hợp ảnh hưởng đến việc làm của nhiều người lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án lao động bằng Biên bản họp đột xuất ngày 25/11/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A thể hiện công ty cho nghỉ

việc 3 công nhân (bút lục 51) nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A không xây dựng và thực hiện phương án lao động mà đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và vi phạm thời gian báo trước là trái với quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật nên cần sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T. Do đó quyền lợi của ông T được tính theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Q xin rút một phần yêu cầu kháng cáo điều chỉnh mức lương làm căn cứ tính bồi thường từ 5.000.000đ/tháng xuống còn 3.745.000đ/tháng và xin rút yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu Công ty nhận trở lại làm việc, không yêu cầu tính bồi thường hai tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động, vì vậy đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu Công ty nhận trở lại làm việc và không tính bồi thường hai tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động giữa hai bên.

Quyền lợi của ông T được tính như sau:

Ông T yêu cầu tính tiền lương của ông T là 3.745.000 đ/tháng là căn cứ để tính bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động trái luật.

Tổng thời gian những ngày không được làm việc: 22 tháng 11 ngày X
 $3.745.000\text{đồng/tháng} = 91.464.418\text{đ}$ ($3.745.000\text{đ/tháng} / 26 \text{ ngày} \times 11 \text{ ngày} \times 144.038\text{đ}$).

Bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 02 tháng tiền lương X $3.745.000\text{đ đồng/tháng} = 7.490.000 \text{ đồng}$.

Bồi thường 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là: 6.481.710đ nhưng do ông T chỉ yêu cầu bồi thường 5.580.000 đồng, do đó chỉ tính mức bồi thường do vi phạm thời gian báo trước là: 5.580.000 đồng.

Tổng cộng: **97.044.418 đồng**.

Tổng cộng buộc công ty phải bồi thường cho ông T là: **97.044.418 đồng**.

[4] *Về án phí*: Việc Tòa án cấp sơ thẩm thu tạm ứng án phí lao động sơ thẩm và tạm ứng án phí phúc thẩm đối với ông T là không đúng với quy định tại Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 và tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cần rút kinh nghiệm, và ông T được miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ bồi thường nên bị đơn phải chịu án phí theo luật là **2.911.332 đồng**.

[5] *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm*:

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của ông T là có cơ sở bởi lẽ: Bị đơn không chứng minh được các căn cứ để chấm dứt hợp đồng lao động trước hạn, Mỏ đá Solku 6 nhận được thông báo số 369/TB-STNMT ngày 24/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu chấm dứt hoạt động của mỏ đá Puzolan tại mỏ đá Solku 6 và thực hiện bảo quản đá Puzolan tuy nhiên bị đơn và ông T sau đó vẫn giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Vì vậy, bị đơn phải bồi thường các quyền lợi cho ông T theo luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu, xác định mức lương chính để yêu cầu bồi thường là 3.745.000 đồng và rút yêu cầu được nhận làm việc trở lại công ty, không yêu cầu bồi thường theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động.

Án sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T là không có cơ sở, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu được nhận làm việc trở lại công ty của ông T.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T, sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo và chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của ông Nguyễn Minh Trí sửa một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo yêu cầu nhận trở lại làm việc của ông T.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 22, Điều 38,42 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A về việc bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A phải bồi thường cho ông T số tiền **97.044.418** đồng (chín mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng bốn trăm mười tám đồng).

Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A phải nộp **2.911.332 đồng** đồng án phí lao động sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí LĐPT.

Hoàn lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp là 2.014.200 đồng theo biên lai thu tiền số 002394 ngày 24/11/2017 và 300.000đ theo biên lai thu số 008997 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Hoàng T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A chưa thanh toán số tiền nói trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A phải chịu thêm lãi chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện (02);
- TAND huyện (01);
- THADS huyện (01);
- Đường sự (02);
- Lưu (05).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hà